

Số: .309.../TB-ĐHKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả tuyển dụng viên chức (Chỉ tiêu năm 2019)**

*Căn cứ Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông báo số 760/TB-ĐHKT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyển dụng nhân sự (Chỉ tiêu năm 2019);*

*Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức.*

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kết quả tuyển dụng viên chức đến các ứng viên như sau:

| STT | Họ và tên              | Vị trí                                   | Điểm TB<br>phỏng vấn<br>(Thang<br>điểm 100) | Điểm<br>chuyên môn<br>(Thang<br>điểm 100) | Điểm<br>TB<br>chung |
|-----|------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Nguyễn Phạm Thanh Trúc | Khoa Kiến trúc Nội thất                  | 79.4                                        | 74.56                                     | 76.98               |
| 2   | Nguyễn Quốc Khánh      | Khoa Kiến trúc tại Đà Lạt                | 81.6                                        | 80.45                                     | 81.025              |
| 3   | Lê Tấn Hạnh            | Khoa Kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh | 77.6                                        | 85.5                                      | 81.55               |
| 4   | Trần Gia Hòa           | Khoa Kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh | 82.8                                        | 78.7                                      | 80.75               |
| 5   | Nguyễn Hữu Quyền       | Khoa Kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh | 63.1                                        | 44.2                                      | 53.65               |
| 6   | Nguyễn Lê Kim Ngọc     | Khoa Kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh | Vắng                                        | 52.65                                     | 26.325              |
| 7   | Trương Phi Long        | Khoa Lý luận chính trị                   | 77.2                                        | 80.6                                      | 78.9                |
| 8   | Nguyễn Ngọc Võ Khoa    | Khoa Lý luận chính trị                   | 72.5                                        | 78.1                                      | 75.3                |
| 9   | Trần Duy Lâm           | Khoa Lý luận chính trị                   | 81.4                                        | 67.4                                      | 74.4                |
| 10  | Đoàn Xuân Toàn         | Khoa Lý luận chính trị                   | 62.6                                        | 79.6                                      | 71.1                |
| 11  | Trần Quang Khánh       | Khoa Lý luận chính trị                   | 72.8                                        | 68.3                                      | 70.55               |
| 12  | Võ Anh Tuấn            | Khoa Lý luận chính trị                   | 74.1                                        | 63.3                                      | 68.7                |

| STT | Họ và tên               | Vị trí                                                 | Điểm TB<br>phỏng vấn<br>(Thang<br>điểm 100) | Điểm<br>chuyên môn<br>(Thang<br>điểm 100) | Điểm<br>TB<br>chung |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| 13  | Nguyễn Thị Dậm          | Khoa Lý luận chính trị                                 | 62                                          | 51.1                                      | 56.55               |
| 14  | Đoàn Anh Khoa           | Khoa Quy hoạch                                         | 83.7                                        | 80.56                                     | 82.13               |
| 15  | Nguyễn An Hòa           | Khoa Quy hoạch                                         | 75.3                                        | 84.28                                     | 79.79               |
| 16  | Đỗ Duy Thịnh            | Khoa Quy hoạch                                         | 81.6                                        | 65.94                                     | 73.77               |
| 17  | Võ Minh Phúc            | Khoa Quy hoạch                                         | 72.4                                        | 68.17                                     | 70.285              |
| 18  | Nguyễn Bảo Thành        | Khoa Quy hoạch                                         | 72.4                                        | 65.6                                      | 69                  |
| 19  | Trần Quốc Nguyên        | Khoa Quy hoạch                                         | 66.2                                        | 54.44                                     | 60.32               |
| 20  | Nguyễn Hoàng Minh       | Khoa Xây dựng (Cần Thơ)                                | 79.3                                        | 70.8                                      | 75.05               |
| 21  | Nguyễn Hữu Phước        | Khoa Khoa học cơ bản<br>(môn Cơ Lý thuyết)             | 74.9                                        | 87.9                                      | 81.4                |
| 22  | Huỳnh Văn Quang         | Khoa Khoa học cơ bản<br>(môn Cơ Lý thuyết)             | 68.9                                        | 80.3                                      | 74.6                |
| 23  | Tạ Khánh Quỳnh          | Khoa Khoa học cơ bản<br>(môn Cơ Lý thuyết)             | 67.3                                        | 80.6                                      | 73.95               |
| 24  | Nguyễn Thanh Tân        | Khoa Khoa học cơ bản<br>(môn tiếng Anh)                | 85.8                                        | 90.9                                      | 88.35               |
| 25  | Trần Thị Thanh Mai      | Khoa Khoa học cơ bản<br>(môn tiếng Anh)                | 73                                          | 91.1                                      | 82.05               |
| 26  | Tô Thị Hải              | Khoa Mỹ thuật công<br>nghiệp (Thiết kế công<br>nghiệp) | 81.5                                        | 85.5                                      | 83.5                |
| 27  | Trần Huỳnh Phú<br>Khanh | Khoa Mỹ thuật công<br>nghiệp (Thiết kế đồ họa)         | 83.6                                        | 87.78                                     | 85.69               |
| 28  | Đoàn Ngọc Duy           | Khoa Mỹ thuật công<br>nghiệp (Thiết kế đồ họa)         | 86.3                                        | 82.5                                      | 84.4                |
| 29  | Hoàng Minh Trung        | Khoa Mỹ thuật công<br>nghiệp (Thiết kế đồ họa)         | 81.1                                        | 83.57                                     | 82.335              |
| 30  | Lê Thị Bảo Hoàng        | Khoa Mỹ thuật công<br>nghiệp (Thiết kế đồ họa)         | 69.5                                        | 56.42                                     | 62.96               |

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh thông báo đến các ứng viên được biết.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy, Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Niêm yết bảng tin;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCNS. HT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS.KTS. Lê Văn Thương**